

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 02 - 10 - 2019  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Phước.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Bà Phạm Hồng Ân.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:*** Bà Võ Thúy Nhị - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2019/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 5 năm 2019, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh C.

***- Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh C.

Chỗ ở hiện nay: Tổ X, xã N, huyện Z, tỉnh C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 21/5/2019 cùng các văn bản khác, nguyên đơn là bà Huỳnh Thị D trình bày:*

Về hôn nhân, vào năm 2011 bà và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh C và được chứng nhận kết hôn vào ngày 20/9/2011. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, thời gian sau này vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông T khó khăn, hay ghen và đánh đập bà. Vợ chồng thường xuyên tranh cãi, bất đồng quan điểm sống. Bà và ông T không còn chung sống với nhau từ tháng 9/2017 cho đến nay. Xét thấy hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Về con chung có 01 người tên là Nguyễn Minh Q (giới tính nam), sinh ngày 08/10/2012 hiện do bà đang nuôi dưỡng, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Ông thừa nhận lời trình bày của bà Huỳnh Thị D về thời gian xác lập quan hệ vợ chồng, việc có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cũng như mâu thuẫn giữa vợ chồng và thời gian không còn chung sống với nhau là đúng. Hiện ông vẫn còn tình thương đối với bà D nên ông không đồng ý ly hôn. Ông không đồng ý giao con chung cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng, ông yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu hòa giải.

*Đại diện Chính quyền địa phương áp P, xã P, huyện P, tỉnh C xác định:* Trường hợp bà Huỳnh Thị D và ông Nguyễn Văn T từ trước đến nay không có nộp đơn yêu cầu hòa giải nên Ủy ban nhân dân xã P không xác định được tình trạng mâu thuẫn.

*Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:* Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, chấp hành pháp luật của của người tham gia tố tụng được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho bà Huỳnh Thị D ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Về con chung giao cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng, buộc ông T cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng, việc cấp dưỡng thực hiện hàng tháng. Về án phí hôn nhân và gia đình buộc bà D phải chịu, về án phí cấp dưỡng nuôi con buộc ông T cùng phải theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Huỳnh Thị D yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T và yêu cầu nuôi con chung nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét về hôn nhân: Bà D xác định bà và ông T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh C và được chứng nhận kết hôn vào ngày 20/9/2011. Hôn nhân phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên bà D và ông T được công nhận là vợ chồng. Xét về mâu thuẫn, bà D xác định quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, thời gian sau này vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do ông T khó khăn, hay ghen và đánh đập bà. Vợ chồng thường xuyên tranh cãi, bất đồng quan điểm sống. Xét thấy hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Ông T thì cho rằng ông vẫn còn tình thương đối với bà D nên ông không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, về thời gian không còn chung sống với nhau thì bà D xác định từ tháng 9/2017 cho đến nay mà cả hai không thể tự hòa giải, hàn gắn tình cảm. Bà D xác định tình cảm dành cho ông T không còn nên cương quyết yêu cầu ly hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông T đã và đang trầm trọng, do đó có đủ cơ sở để chấp nhận cho bà D ly hôn với ông T.

[3]. Về con chung: Cả hai thống nhất xác định có với nhau 01 người con chung tên là Nguyễn Minh Q (giới tính nam), sinh ngày 08/10/2012 hiện do bà D đang nuôi dưỡng, bà D yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Ông T không đồng ý giao con chung cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, con chung hiện đang do bà D đang nuôi dưỡng, đồng thời cháu Q có nguyện vọng muốn chung sống chung cùng với mẹ khi Tòa án giải quyết cho cha mẹ ly hôn. Do đó, việc tiếp tục giao con chung cho bà D nuôi là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Bà D yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng, xét thấy người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa, ông T đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của bà D. Do đó, buộc ông T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ. Việc cấp dưỡng được thực hiện hàng tháng, cấp dưỡng cho đến khi con chung đã thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (02/10/2019). Ông Tòa có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự thống nhất xác định không có tài sản chung và nợ chung. Đồng thời các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xử lý.

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà D phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27, về án phí cấp dưỡng nuôi con ông T phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 cùng của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; áp dụng các điều 9, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a khoản 6 Điều 27 cùng của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Huỳnh Thị D ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho bà Huỳnh Thị D chịu trách nhiệm nuôi dưỡng Nguyễn Minh Q (giới tính nam), sinh ngày 08/10/2012 cho đến khi Nguyễn Minh Q thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng, cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi Nguyễn Minh Q thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống. Thời gian thực hiện việc cấp dưỡng được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (02/10/2019).

Ông Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Huỳnh Thị D đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019182 ngày 21 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nay chuyển thu.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Phòng KT-NV & THA (Tòa án tỉnh);
- Chi cục THADS H.Phú Tân;
- UBND xã P, huyện P, tỉnh C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thành Phước**